TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng;

Bà Phùng Ngọc Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 646/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 705/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, trú tại: Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2022 và bản tự khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T xây dựng hạnh phúc với bà Nguyễn Thị L từ năm 1981 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật. Ông và bà L chung sống với nhau tại Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 03 con chung. Trong quá trình chung sống đến năm 1994 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà L bỏ nhà đi, làm gì ở đâu không liên lạc thư từ, không có tin tức cho ông và gia đình biết. Ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị L mất tích. Tại Quyết định số 03/2022/QĐST-VDS ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tuyên bố bà Nguyễn Thị L mất tích từ tháng 3 năm 2018. Từ khi Tòa án tuyên bố bà L mất tích đến nay, bà L không quay trở về gia đình và địa phương Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị L. Về con chung: Ông T và bà L có 03 con chung là Nguyễn Tiến C, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, hiện đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của bà Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị L, tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà NguyễnThị Là; về con chung: Ông T và bà L có 03 con chung là Nguyễn Tiến C, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, hiện đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Ông T thuộc trường hợp miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 1981 tại Khu H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông T và bà L xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Bà L bỏ nhà đi mất tích nhiều năm không có tin tức gì. Ông T đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tuyên bố bà Nguyễn Thị L mất tích từ tháng 3 năm 2018 theo Quyết định số 03/2022/QĐST-VDS ngày 20 tháng 4 năm 2022. Như vậy xác định ông T và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1981 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào điểm a Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội quy định: "*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000*". Do vậy quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L đã xác lập từ năm 1981 thì được coi là hôn nhân thực tế. Nay ông T xin ly hôn bà L, Tòa án giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà L đã trầm trọng, thực tế cuộc sống vợ chồng không còn tồn tại. Ông T xin ly hôn bà L phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông T và bà L có 03 con chung là Nguyễn Tiến C, sinh năm 1982, Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984 và Nguyễn Văn H, sinh năm 1990,

hiện đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T thuộc trường hợp miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND tthị trấn A, huyện A;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn